

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 10/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024. về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trịnh Thị N, sinh năm: 1988.

- Anh Trần V, sinh năm: 1987.

Cùng địa chỉ: Số nhà 69 C, phường L, thành phố T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh V và chị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, tỉnh T vào năm 2012. Do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh V và chị N đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh V, chị N thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của anh chị về việc thuận tình ly hôn là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Anh V và chị N có 02 con chung là Trần Hà T, sinh ngày 29/8/2012 và Trần Hải L, sinh ngày 30/6/2019. Khi ly hôn anh V, chị N thỏa thuận giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc thỏa thuận

của anh, chị về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Anh V và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Anh V và chị N thỏa thuận chị N chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm, xét đây là sự tự nguyện của anh chị nên chấp nhận.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần V và chị Trịnh Thị N.

- Về con chung: Anh Trần V và chị Trịnh Thị N có 02 con chung là Trần Hà T, sinh ngày 29/8/2012 và Trần Hải L, sinh ngày 30/6/2019. Ly hôn, giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N, anh V có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị N chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai T tiền tạm ứng lệ phí số 0001684 ngày 30/9/2024, chị N đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP.T;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND P. L, TP. T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh